

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HÀN LÂM VIỆN TRONG LỊCH SỬ

LÊ QUANG CHẤN*

Hàn lâm viện là tổ chức có nhiệm vụ “phàm các bài chế, biểu, thơ, ca, văn thư, đều phụng mệnh khởi thảo, cùng là các chức cung phụng trong triều đường, nếu chức nào chưa hợp, đều được làm tờ trình lên”¹. Do vậy, Hàn lâm viện ra đời và phát triển gắn liền với sự kiện toàn bộ máy tổ chức cấp trung ương của triều đình quân chủ phong kiến qua các triều đại ở nước ta. Trong bài viết này, trên cơ sở nghiên cứu, tìm hiểu về tổ chức và hoạt động của Hàn lâm viện trong lịch sử, chúng tôi mong muốn có những nhận thức rõ hơn về vai trò và tác dụng của tổ chức này.

1. Lịch sử Hàn lâm viện ở Việt Nam

Tổ chức Hàn lâm viện ở nước ta được đặt ra vào mùa thu tháng 8 năm Bính Dần (1086) khi vua Lý Nhân Tông tổ chức “thi người có văn học trong nước, sung làm quan ở Hàn lâm viện, Mạc Hiến Tích trúng tuyển, bổ làm Hàn lâm Học sĩ”².

Chức quan *Hàn lâm Học sĩ* vốn bắt nguồn từ đời vua Đường Huyền Tông, khi ông cho tuyển các triều thần có tài năng về văn học sung bổ vào Hàn lâm, nhưng đến đời vua Đường Đức Tông, vì luôn cần có người thương nghị việc cơ yếu, Hàn lâm Học sĩ dần trở thành cố vấn thân cận nhất cho Hoàng đế, từ đó về sau đã trở thành định chế. Phàm là việc bổ nhiệm hay miễn nhiệm tướng văn, tướng võ, sách lập Thái tử, tuyên bố chinh phạt hoặc đại sắc chiếu

mệnh của triều đình đều do Hàn lâm Học sĩ khởi thảo. Vì vậy, chức nhiệm của Hàn lâm Học sĩ rất trọng, phẩm trật cao, khi có yến tiệc, được ngồi dưới Tể tướng, trên Nhất phẩm, nên có tên gọi là Nội tướng³. Những người đã từng giữ chức Hàn lâm Học sĩ sẽ được thăng tuyền dễ dàng, thường được thăng tới chức Tể tướng. Riêng về chức Học sĩ ở nước ta, sử gia Phan Huy Chú cho biết: “Chức Học sĩ bắt đầu có từ đời Lý. Đời Nhân Tông đã đặt Học sĩ các điện (như Bùi Cảnh Hựu làm Văn Minh điện Học sĩ). Nhà Trần theo quan chế nhà Lý, lại đặt thêm những chức Kinh diên Đại học sĩ, Nhập thị Học sĩ, Thiên chương Học sĩ (như trong đời Thánh Tông, Nguyễn Sĩ Cốc làm Nhập thị Học sĩ, sau làm Thiên chương Học sĩ). Lê Thái Tổ lúc đầu cũng đặt chức Học sĩ, nhưng còn thuộc vào Hàn lâm viện, đến Thánh Tông định lại quan chế, lại đặt Học sĩ các điện (như Nguyễn Bá Kỳ làm Văn Minh điện Đại học sĩ, Nguyễn Cư Đạo làm Cẩn Đức điện Đại học sĩ), lại đặt các chức Đông các Đại học sĩ, (Đông các) Học sĩ, phẩm trật ở hàng chánh Tứ. Thời Trung hưng về sau, bãi chức Học sĩ các điện, nhưng về chức Đông các Học sĩ vẫn theo đời Hồng Đức”⁴.

Người Việt đầu tiên giữ chức Hàn lâm Học sĩ là Khương Công Phụ (người quận Cửu Chân, nay thuộc tỉnh Thanh Hóa), đỗ đầu trong kỳ thi Hán học do nhà Đường tổ chức vào năm 780, được đặc cách giữ chức Hiệu thư lang. Vì có bài chế sách hơn người, ông được thăng bổ chức Hữu thập

* Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

di Hàn lâm Học sĩ kiêm chức Kinh triệu Hộ tào Tham quân. Trong thời kỳ nước ta độc lập, người đầu tiên giữ chức Hàn lâm Học sĩ là Mạc Hiến Tích, sau đó có nhiều nhà khoa bảng giữ chức vụ này như Lê Văn Hưu, Nguyễn Trung Ngạn, Nguyễn Phi Khanh, Hồ Tông Thốc, Lý Tử Tấn, Triệu Thái, Nguyễn Tử Tấn...

Nhà Trần đã bổ sung thêm một chức quan mới là *Hàn lâm Học sĩ Phụng chỉ*⁵. Năm 1282, “lấy Thái úy Quang Khải làm Thượng tướng Thái sư, Đinh Củng Viên làm Hàn lâm viện Học sĩ Phụng chỉ”⁶. Vì chức nhiệm của Hàn lâm Học sĩ Phụng chỉ “là soạn đặt các tờ chiếu thay vua”, nên chức quan này rất trọng, “thường dùng Thái sư, mật viện kiêm chức ấy”⁷. Một số nhà Nho nổi tiếng về văn học đã từng giữ chức này, như Lê Quát (năm 1359), Hồ Tông Thốc (năm 1386)... Ngoài ra, có một số chức quan được đề cập như *Hàn lâm viện Thị độc*⁸ (Trần Chu Hình đỗ Thái học sinh năm 1256, đã từng giữ chức này), *Hàn lâm viện Thị giảng*⁹ (năm 1348, Trần Tử Bình được thăng giữ chức này). Tuy nhiên, các tài liệu quan chế không thấy nhắc đến 2 chức quan trên ở thời Trần. Sử gia Phan Huy Chú chỉ chép về hai chức quan trong Hàn lâm viện thời Trần là Hàn lâm Học sĩ Phụng chỉ, Hàn lâm Học sĩ.

Trên cơ sở tiếp thu và mô phỏng quan chế của nhà Minh, nhà Lê sơ đã đặt thêm nhiều chức quan mới trong Hàn lâm viện. Bên cạnh chức Hàn lâm viện Học sĩ Thừa chỉ (do Nguyễn Trãi đảm nhiệm) để soạn thảo các bài chế cáo, thư từ qua lại với quân Minh, triều đình nhà Lê còn đặt thêm nhiều chức khác, như: *Hàn lâm viện Thị độc*, *Hàn lâm viện Thị giảng*, *Hàn lâm viện Trực học sĩ*, *Hàn lâm viện Tri chế cáo*,

Hàn lâm viện Đãi chế, *Hàn lâm viện Hiệu kiểm*¹⁰, sau đó lại đặt chức *Hàn lâm viện Đại học sĩ* làm chủ quản Hàn lâm viện (tức Viện trưởng). Vua Lê Thánh Tông khi tiến hành hiệu định quan chế (năm 1471) đã “bãi chức Đại học sĩ mà đặt các chức Thừa chỉ, Thị độc, Thị giảng, Thị thư, Đãi chế, Hiệu lý, Tu soạn, Kiểm thảo, phẩm trật ở hàng chánh Tứ trở xuống. Thời Trung hưng về sau vẫn noi theo không đổi”¹¹.

Quan chế của Hồng Đức (1460-1497) đã có quy định phẩm trật rất rõ ràng: *Hàn lâm viện Thừa chỉ* có phẩm hàm chánh Tứ phẩm, *Hàn lâm viện Thị độc* trật hàm chánh Ngũ phẩm, *Hàn lâm viện Thị giảng* hàm tòng Ngũ phẩm, *Hàn lâm viện Thị thư* hàm chánh Lục phẩm, *Hàn lâm viện Đãi chế* hàm tòng Lục phẩm, *Hàn lâm viện Hiệu lý* hàm chánh Thất phẩm, *Hàn lâm viện Kiểm thảo*¹² trật hàm tòng Thất phẩm. Không những thế, vua Lê Thánh Tông cũng là người đầu tiên chuẩn định tư cách cho các Tân Tiến sĩ: Trạng nguyên 8 tu, Bảng nhãn 7 tu, Thám hoa 6 tu, Hoàng giáp 5 tu, đồng Tiến sĩ 4 tu, sau này cũng theo như thế. Sau khi về vinh quy bái tổ, các Tân Tiến sĩ trở về Kinh, các đại thần trong triều bảo cử và trao cho quan chức lần đầu: *Trạng nguyên* được trao chức *Hàn lâm viện Thị giảng*, *Bảng nhãn* chức *Hàn lâm viện Thị thư*, *Thám hoa* chức *Hàn lâm viện Thị chế*¹³, *Hoàng giáp* chức *Hàn lâm viện Hiệu lý*, còn *Tiến sĩ* thì từ sau khi Trung hưng, bắt đầu trao cho chức *Giám sát*, đến niên hiệu Bảo Thái lại theo chế độ cũ, bắt đầu trao cho chức *Cấp sự trung*; một người ít tuổi nhất được trao chức *Hàn lâm viện Hiệu thảo* và cả người nào ứng thí Chế khoa được trúng cách, cũng trao cho chức *Hàn lâm viện Hiệu thảo*¹⁴. Những quy định trên của vua Lê Thánh Tông đã

khẳng định vị trí và vai trò của các chức danh trong Hàn lâm viện, bởi rằng họ không chỉ là những người đỗ đại khoa, mà còn là người có kiến thức uyên thâm về nhiều lĩnh vực.

Vị vua đầu tiên của nhà Nguyễn là Gia Long. Tuy còn nhiều việc hệ trọng phải giải quyết, nhưng ngay sau khi lên ngôi (năm 1802), ông đã cho đặt các chức *Hàn lâm viện Thừa chỉ*, *Hàn lâm viện Thị thư*, *Hàn lâm viện Chế cáo*. Năm thứ 1804, đặt thêm các chức *Hàn lâm viện Thị độc*, *Hàn lâm viện Tu soạn*, *Hàn lâm Cống sĩ viện*. Khi vua Minh Mệnh tiến hành cải cách hành chính, các chức quan trong Hàn lâm viện đã quy củ và đầy đủ hơn. Năm 1820, Minh Mệnh cho đặt các chức *Hàn lâm viện Thị giảng Học sĩ*, *Hàn lâm viện Biên tu*, *Hàn lâm viện Kiểm thảo*, *Hàn lâm viện Điển bạ*, *Hàn lâm viện Đãi chiếu*. Năm 1821, đặt thêm các chức *Chưởng viện Học sĩ* làm quan chủ quản *Hàn lâm viện* và *Hàn lâm viện Thị giảng Học sĩ*. Năm 1827, vua bãi bỏ các chức *Hàn lâm viện Chế cáo*, *Hàn lâm viện Thị thư*, *Hàn lâm viện* và *Hàn lâm Cống sĩ viện*. Năm 1830, đặt thêm chức *Hàn lâm viện Cung phụng*. Thiệu Trị, năm 1843 cho đặt thêm chức *Hàn lâm viện Trước tác*, *Hàn lâm viện Biên tu*.

Việc bổ nhiệm các chức danh trong Hàn lâm viện cũng được các vua triều Nguyễn quan tâm. Năm 1822, vua Minh Mệnh quy định, trong các kỳ thi Hội, người nào đỗ Hoàng giáp sẽ trao chức *Hàn lâm viện Tu soạn*, đỗ Tiến sĩ trao cho chức *Hàn lâm viện Biên tu*. Năm 1829, nếu ai đỗ Phó bảng thì chức quan đầu tiên được trao là *Hàn lâm viện Kiểm thảo*. Năm 1843, vua Thiệu Trị cho người nào đỗ Thám hoa được trao chức *Hàn lâm viện Trước tác*. Khi vua Tự Đức trị vì đã có quy định đầy

đủ hơn: Ai đỗ Cử nhân thì được bổ chức *Hàn lâm viện Điển bạ*, ai đỗ Phó bảng bổ nhiệm làm *Hàn lâm viện Kiểm thảo*, ai đỗ Tiến sĩ được bổ làm *Hàn lâm viện Biên tu*, đỗ Hoàng giáp được bổ *Hàn lâm viện Tu soạn*, đỗ Thám hoa được bổ *Hàn lâm viện Trước tác*, đỗ Bảng nhãn bổ *Hàn lâm viện Thừa chỉ* và đỗ Trạng nguyên¹⁵ được bổ làm *Hàn lâm viện Thị độc*.

Chức nhiệm chung của Hàn lâm viện cũng được quy định cụ thể: “*Thứ nhất* là châu hầu khi thiết triều: Chưởng Viện soạn thảo giấy tờ, bản ban kinh điển, giấy tờ bang giao (do Trục học sĩ lo). Soạn thảo, biên tập (Thị độc Học sĩ và Thị giảng Học sĩ, Thị độc, Thừa chỉ cùng lo); lo biên duyệt sách vở, kiểm soát giấy tờ (Tu soạn, Kiểm thảo giúp Viện trưởng); Điển bạ giữ văn thư ra vào; Đãi chiếu, Cung phụng lo sưu tầm, cung cấp, đối chiếu tư liệu. *Thứ hai*, những chức hàm điều đến các bộ, viện khác đều do Hàn lâm phong Viện hàm, còn chức vụ do bộ đề nghị và vua chỉ định. Những chức mang tính giảng quan các trường như: Tán thiện, Bạt độc, Trục giảng, Giảng tập, Giáo tập, Chính tự đều lấy Viện hàm (có khi có chức vị, trừ Biên tu trở xuống)”¹⁶.

Chức nhiệm cụ thể của mỗi chức danh trong Hàn lâm viện cũng được quy định rõ ràng. Chức quan đứng đầu có nhiệm vụ quản lý và điều hành mọi hoạt động của tổ chức Hàn lâm viện triều Nguyễn là *Hàn lâm viện Chưởng viện Học sĩ* (phẩm trật chánh Tam phẩm). Trợ giúp đắc lực cho *Hàn lâm viện Chưởng viện Học sĩ* có hai chức danh là *Hàn lâm viện Trục học sĩ* (tuy là chức Phó, nhưng có phẩm trật tương đương với Chưởng viện Học sĩ, chánh Tam phẩm) và *Hàn lâm viện Thị độc Học sĩ* (có

phẩm trật chánh Tứ phẩm). Đây là hai Viện hàm cao cấp nhất trong Hàn lâm viện, có trách nhiệm biên soạn các chỉ dụ, chương, sớ, chiếu cáo, bi ký và các sách vở... và thường được vào châu hầu thiết triều thay cho Chương viện Học sĩ. Tiếp đến là chức *Hàn lâm viện Thị giảng Học sĩ* (phẩm trật tòng Tứ phẩm) - một Viện hàm cao cấp trong Hàn lâm viện - có trách nhiệm chăm lo việc biên soạn sách, chương sớ. Các chức danh thuộc Hàn lâm viện, gồm Chương viện Học sĩ, Trục học sĩ, Thị độc Học sĩ, Thị giảng Học sĩ đều được xếp vào Đường quan, tức Đại thần của triều đình, vì theo quy định, khi triều hội tại Chính điện, những người có phẩm hàm từ Tứ phẩm trở lên mới được tham dự.

Các chức quan có Viện hàm cao trong Hàn lâm viện bao gồm: *Hàn lâm viện Thị độc* (phẩm trật chánh Ngũ phẩm) được tham dự vào việc giảng dạy, biên soạn sách vở ở Tập hiền viện (giữ việc giảng sách, bàn đạo trị nước để vua và các quan đại thần có phẩm hàm tòng Nhị phẩm trở lên nghe), Tập thiện đường (nơi dạy Hoàng tử), Tôn học đường (nơi dạy học các con em của Hoàng thất), Quốc Tử Giám... *Hàn lâm viện Thừa chỉ* là Viện hàm đầu tiên và cao nhất trong năm đầu đời vua Gia Long. Khi vua Minh Mệnh hiệu định quan chế, Hàn lâm viện Thừa chỉ trật tòng Ngũ phẩm, chuyên lo việc biên soạn văn từ và giúp việc trong các viện (như Đô sát viện, Quốc sử viện), sáu Bộ (Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình và Công). *Hàn lâm viện Thị giảng* (phẩm trật tòng Ngũ phẩm) có nhiệm vụ giúp các Học sĩ biên soạn sách vở, chương sớ. *Hàn lâm viện Trước tác* (hàm chánh Lục phẩm), vị trí đứng sau *Hàn lâm viện*

Thị giảng, được vào chức biên tập sách, chương sớ của triều đình.

Các chức sự vụ, giúp việc trong Hàn lâm viện, gồm có: *Hàn lâm viện Tu soạn* (phẩm trật tòng Lục phẩm) chuyên lo việc tu chỉnh, soạn thảo sách vở giúp các Học sĩ. Những người sau khi đỗ Hoàng giáp thì được sung vào Viện hàm này; tiếp đến là các chức *Hàn lâm viện Biên tu* (chánh Thất phẩm) chăm lo việc biên tập, tu chỉnh sách vở tài liệu; *Hàn lâm viện Kiểm thảo* (tòng Thất phẩm) lo việc kiểm soát văn tự, biên duyệt sách vở; *Hàn lâm viện Kiểm tịch* (chánh Bát phẩm) giúp các quan Học sĩ biên soạn tài liệu, sách vở và duyệt lại những tư liệu đã dẫn; *Hàn lâm viện Điển bạ* (tòng Bát phẩm) thường lo sưu tầm tài liệu, tra cứu giúp biên soạn sách, giáo trình giảng dạy ở các viện, đường; *Hàn lâm viện Cung phụng* (chánh Cửu phẩm) và *Hàn lâm viện Điển tịch*, *Hàn lâm viện Đãi chiếu* (tòng Cửu phẩm) phải lo sưu tầm, khảo sát thư tịch, tài liệu cho việc biên soạn lịch sử, giảng tập¹⁷.

Sự phối hợp và phân công chức trách trong Hàn lâm viện cũng được vua Minh Mệnh (năm 1833) lệ định rõ ràng: “Hàn lâm viện Chương viện Học sĩ, phàm giấy tờ, bàn bạc kinh điển, các việc có quan hệ đến giấy tờ bang giao tất phải do Trục học sĩ làm việc trong viện, cùng Chương viện Học sĩ và Thị độc Học sĩ, Thị giảng Học sĩ, Thị độc, Thừa chỉ, Thị giảng đều giữ việc soạn thuật, biên tập để giúp vào giấy tờ. Tu soạn, Biên tu, Kiểm thảo đều theo Viện trưởng giữ việc biên duyệt sách vở, kiểm soát giấy tờ, Điển bạ theo Viện trưởng giữ việc văn thư ra vào, Đãi chiếu theo Viện trưởng giữ việc đối chiếu văn sử”¹⁸.

Khi Pháp nổ súng xâm lược (1858) và đặt chế bảo hộ trên toàn cõi đất nước (1884), thì các chức danh trong Hàn lâm viện không phải là thực chức, mà chỉ là những chức vụ nhàn tản, vinh hàm để gia phong, lương bổng cũng bị cắt bỏ. Để phục vụ cho nhiệm vụ cai trị của thực dân Pháp, nhất là khu vực Bắc Kỳ, năm 1886, Thống sứ Bắc Kỳ Paul Bert (Pôn Be) lập *Hàn lâm viện Bắc Kỳ* (Académie Tonkinoise) ở Hà Nội. Viện này do chính Paul Bert làm Chủ tịch, hội viên là một số quan lại và những người có bằng Tú tài trở lên. Tuy nhiên, trong thực tế, tổ chức này hoạt động không có hiệu quả như ông mong đợi, vì không công bố được bất kỳ một công trình nghiên cứu nào, và cũng không có những đề xuất với nhà cầm quyền trong việc cải tạo và xây dựng Hà Nội. Sau khi ông mất (ngày 11/11/1886), thì Hàn lâm viện Bắc Kỳ cũng chấm dứt hoạt động.

2. Một số nhận xét

Từ việc nghiên cứu, tìm hiểu về tổ chức và hoạt động của Hàn lâm viện trong lịch sử, chúng tôi có một số nhận xét sau đây:

2.1. Về tên gọi: Hàn lâm viện là một từ Hán - Việt. Sách *Từ Nguyên* có giải thích: *Hàn* (翰) nguyên là từ chỉ giống gà lông đỏ do người Thục đưa vào Trung nguyên dâng vua Thành Vương nhà Chu, cũng có tên gọi là Cẩm kê, nghĩa là gà lông gấm. Sách *Từ Hải* viết: *Hàn* lại có nghĩa là lông gà hay bất cứ lông loài gia cầm nào mà dài và cứng (có khi lông mao loài thú cũng gọi là *Hàn*, nhưng ít dùng). Đời xưa, vì chưa chế được bút viết, người Trung Quốc đã dùng lông gà, lông chim để viết, nên *Hàn* cũng có nghĩa là bút. Từ nghĩa là bút, sau *Hàn* lại được dùng để chỉ hết thảy các loại giấy tờ, sách vở được chép bằng bút (nên mới

có các cụm từ *Thư hàn, Văn hàn, Từ hàn...*). *Lâm* (林) nghĩa là rừng. *Viện* (院) nghĩa là một tòa nhà lớn (hay một quan thự lớn). Ghép hai từ *Hàn lâm* có nghĩa đen là *Rừng lông*, tức *Rừng bút*, còn nghĩa bóng là *Rừng văn học*. Danh từ *Hàn lâm viện* với nghĩa là một tổ chức coi về văn học thì mới xuất hiện vào thời nhà Đường ở Trung Quốc và từ thời nhà Lý ở nước ta.

Hàn lâm viện còn một tên gọi khác, ít phổ biến, đó là Ngọc đường (nghĩa đen là Nhà ngọc). Sách *Hàn lâm viện* của Lê Văn Hòe cho biết: “*Ngọc đường* nguyên là tên chỉ cung điện. Lan đài cung nước Sở ngày xưa có điện Ngọc đường. Sách *Sử ký* nói ở phía Nam ao Thái dịch có điện Ngọc đường. Sách *Hán vũ cổ sự* nói điện Ngọc đường cùng với cung Vị ương cao 12 trượng. Sách *Tam phụ hoàng đồ* nói rằng, ở phía Nam cung Kiến cung (đều là đời Hán bên Tàu) có điện Ngọc đường, thêm bệ đều làm bằng ngọc cả. Ngọc đường là cung các vợ vua đời bấy giờ. Ngọc đường lại là tên dinh quan Thị trung đời Hán, quần thần đợi chiếu nhà vua ở Ngọc đường. Đời Đường thì đợi chiếu ở Hàn lâm viện. Đến thời Tống, người ta cũng gọi Viện Hàn lâm là Ngọc đường, có ý phỏng cổ vậy. Vua Tống Thái Tông (976-978) viết bốn chữ *Ngọc đường chi thự* (chữ trắng trên tấm lụa hồng ban tứ cho Hàn lâm Học sĩ Tô Dịch Giản). Từ đó, Viện Hàn lâm có tên là *Ngọc đường chi thự*. Khoảng năm Thiệu Thánh (1094) đời vua Tự Tông, kiêng tên miếu hiệu vua Tống Anh Tông (1064) chỉ gọi Hàn lâm viện là Ngọc đường, bỏ hai chữ chi thự. Đời Tống có sách *Ngọc đường tạp ký*, đời Nguyên có sách *Ngọc đường da thoại* đều là sách chép chuyện về Viện Hàn lâm”¹⁹. Sử sách nước ta cũng từng ghi chép về tên gọi Ngọc

đường để chỉ những người đã từng làm việc hay sản phẩm gắn với Hàn lâm viện. Ví như vào thời Lê sơ, triều đình thường ban xuống các phủ, huyện những loại sách để giảng dạy, tuyên giảng cho nhân dân, như Tứ thư, Ngũ kinh, Đẳng khoa lục, Hội thí lục, Văn hiến thông khảo, Văn tuyển, Cương mục, cùng các loại sách thuốc..., trong đó có sách *Ngọc đường văn phạm* (những quy định về văn từ của Hàn lâm viện). Trong bài thơ tặng cho Nguyễn Nhân Thiếp của vua Lê Hiến Tông có câu: *Nhất đại văn chương yết đại niên/Danh cao Nội tướng Ngọc đường tiên*. Sử gia Phan Huy Chú ngợi ca những người làm việc trong Hàn lâm viện là “những phẩm giá Ngọc đường ấy thực là những người kén chọn vẻ vang trong một thời”.

2.2. Tổ chức và hoạt động của Hàn lâm viện mang tính kế thừa, được hoàn thiện dần dần

Hệ thống quan chế của nước ta nói chung, của Hàn lâm viện nói riêng đều học tập và mô phỏng theo hệ thống quan chế của Trung Quốc. Trên cơ sở quan chế của nhà Tống, nhà Lý đã tiếp thu để đặt ra Hàn lâm viện, với chức quan Hàn lâm Học sĩ. Nhà Trần duy trì hoạt động của Hàn lâm viện và đặt thêm chức Hàn lâm Học sĩ Phụng chỉ (hay Thừa chỉ).

Tiến thêm một bước, nhà Lê sơ, cụ thể là vua Lê Thánh Tông, đã hoàn thiện hơn tổ chức Hàn lâm viện, từ hệ thống các chức quan (như Hàn lâm viện Thừa chỉ, Hàn lâm viện Thị độc, Hàn lâm viện Thị giảng, Hàn lâm viện Thị thư, Hàn lâm viện Đãi chế, Hàn lâm viện Hiệu lý, Hàn lâm viện Hiệu thảo) cho đến việc bổ nhiệm các chức danh trong Hàn lâm viện cho các Tân Tiến sĩ.

Chính sử Trung Quốc cho biết, trong niên hiệu Thiên Thuận (1457-1464), Văn Minh điện Đại học sĩ Lý Hiền đã kiến nghị với vua Minh Anh Tông (trị vị đất nước hai lần: 1435-1449 và 1457-1464) về việc xin chọn Tiến sĩ sung làm quan trong Hàn lâm viện: Nếu ai không đỗ Tiến sĩ thì không được bổ nhiệm vào Hàn lâm viện làm Cô khanh (3 chức Thiếu: Thiếu sư, Thiếu phó và Thiếu bảo), mà không xuất thân ở Hàn lâm viện thì không được phép vào trong Nội các ở chỗ cơ mật. Đó chính là cơ sở để vua Lê Thánh Tông ra lệnh dụ về việc tiến triều cho các Tân Tiến sĩ trong niên hiệu Hồng Đức (1460-1497).

Nhà Nguyễn kế thừa kinh nghiệm của nhà Lê sơ và có tham khảo quan chế của nhà Thanh để kiện toàn tổ chức và hoạt động của Hàn lâm viện, đặc biệt là về chức trách, phẩm trật,... Không những vậy, lương bổng các quan trong Hàn lâm viện cũng được các vị vua nhà Nguyễn chuẩn định. Mỗi năm, quan có phẩm hàm chánh Tam phẩm được 150 quan tiền, 120 phương gạo và 20 quan tiền xuân phục; rút dần xuống cho tới tòng Cửu phẩm, mỗi năm được lương tiền 18 quan, gạo 16 phương và tiền xuân phục là 4 quan.

2.3. Hàn lâm viện có vai trò và tác dụng rất lớn đối với triều đình

Để quản lý và giải quyết công việc một cách có hiệu quả, các triều đại quân chủ phong kiến, đứng đầu là vua, đã đặt ra nhiều cơ quan giúp việc như: *Đài* (Ngự sử đài), *Điện* (Đông các điện, Vũ anh điện, Văn uyển điện, Trung cực điện, Kiến cực điện, Văn hoa điện, Văn minh điện), *Quán* (Quốc sử quán, Chiêu văn quán), *Các* (Nội các), *Sảnh* (Bí thư sảnh, Thượng thư sảnh, Trung thư sảnh, Môn hạ sảnh), *Tự* (Đại lý

tự, Thái thường tự, Quang lộc tự, Thái bộc tự, Hồng lô tự, Thượng bảo tự), *Giám* (Quốc tử giám, Khâm thiên giám, Trung thư giám, Tư thiên giám), *Ty* (Thông chính sử ty, Đô Tổng binh sử ty, Thanh hình Hiến sát sử ty, Án sát sử ty, Bồi chánh sử ty, Vũ khố ty, Tào chính sử ty, Điển nghi ty),... và *Viện* (Cơ mật viện, Nội mật viện, Quốc học viện, Hàn lâm viện, Thái y viện, Thâm hình viện, Tuyên huy viện, Tập hiền viện). Những cơ quan trên sẽ phụ trách và quản lý từng lĩnh vực cụ thể; từ đó có những đề xuất, tham mưu cho vua và triều đình. Ví dụ như: Ngự sử đài có chức trách “Đàn hạch các quan, nói bàn về chính sự hiện thời. Phàm các quan làm trái phép, chính sự hiện thời có thiếu sót, đều được xét hoặc trình bày, cùng là xét bàn về thành tích của các nha môn đề lĩnh, phủ doãn, trấn thủ, lưu thủ, thừa ty, và xét hỏi các vụ kiện về người quyền quý ở Kinh ức hiếp, về người cai quản hà lạm”. Quốc tử giám được “phụng mệnh trông coi nhà Văn miếu, rèn tập sĩ tử, phải chiếu chỉ truyền năm trước, hằng tháng theo đúng kỳ cho tập làm văn, để gây dựng nhân tài, giúp việc thực dụng cho nước”, hay chức vụ của Sử quan là: “Giữ công việc ghi chép biên soạn [sử sách]. Phàm nhà vua nói gì, làm gì, trong cung ưa chuộng những gì, cùng là quan ty ngay gian, chính sự hay dở, nhân tài hơn kém, phong tục xấu tốt, đều là theo từng việc ghi chép thẳng thắn, để lưu làm gương mà khuyên răn”... Riêng chức nhiệm của Hàn lâm viện là: “Phàm các bài chế, biểu, thơ, ca, văn thư, đều phụng mệnh khởi thảo, cùng là các chức cung phụng trong triều đường, nếu chức nào chưa hợp, đều được làm tờ trình lên”²⁰ hay “Phàm những việc biên soạn, ngành từ hàn, thảo luận kinh điển, cùng hết thảy mọi sự

văn từ, sắc mệnh, đều thuộc vào Viện Hàn lâm cả”²¹. Sách *Từ điển tiếng Việt* định nghĩa: “Hàn lâm viện là cơ quan giúp vua soạn thảo các chiếu chỉ... thời phong kiến, gồm những người có học vấn cao. Hàn lâm là hàm của nhà nước phong kiến dùng để phong thưởng cho những người có công”²².

Ngoài chức trách chính như nêu trên, các quan trong Hàn lâm viện còn tham gia nhiều trọng trách khác trong triều cũng như ngoài trấn. Điển hình nhất và có hiệu quả nhất là tham gia biên soạn các bộ sách sử lớn của dân tộc. Bộ quốc sử đầu tiên là *Đại Việt sử ký* do Hàn lâm viện Học sĩ, kiêm Quốc sử viện Giám tu Lê Văn Hưu biên soạn, với 30 quyển và được hoàn thành năm 1272, khi dâng lên, vua Trần Thánh Tông đã “xuống chiếu khen ngợi”. Bộ sách *Thiên Nam dư hạ tập*, với khối lượng hơn 100 quyển, ghi chép đủ các chế độ, luật lệ, điều lệ, cáo sắc... cũng được vua Lê Thánh Tông giao cho Hàn lâm viện Thừa chỉ, Đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung; Ngự sử đài Phó đô ngự sử kiêm Tả xuân phường Tả trung doãn Quách Đình Bảo, Đông các Hiệu thư Đỗ Nhuận, Hàn lâm viện Thị độc Đông các Hiệu thư Đào Cử, Hàn lâm Thị thư Đàm Văn Lễ biên soạn. Bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* mà ngày nay chúng ta sử dụng, kế thừa cũng do Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê biên soạn (trong đó có nhiều người giữ chức danh trong Hàn lâm viện). Hàn lâm viện Biên tu là Phan Huy Chú dâng bộ sách do mình soạn là *Lịch triều hiến chương loại chí* (49 quyển) vào năm 1821, đã được vua Minh Mệnh “thưởng cho một cặp áo sa, 30 lạng bạc”. Các bộ sách sử của nhà Nguyễn, như *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, *Đại Nam thực lục*, *Khâm định Đại Nam hội điển sử lệ*, *Đại Nam nhất thống chí*...

đa phần do các quan trong Hàn lâm viện phối hợp với các quan trong Quốc sử quán (còn có tên gọi là Quốc sử viện, Sử quán, Sử cục) cùng biên soạn.

Các quan trong Hàn lâm viện thời Lê sơ cũng là nòng cốt chính để thành lập *Tao Đàn nhị thập bát tú* (28 ngôi tinh tú trên văn đàn) - một tổ chức Hàn lâm viện về văn học sớm nhất của dân tộc ta. Ngoài chủ soái là vua Lê Thánh Tông, thì Phó nguyên soái (Thân Nhân Trung, Đỗ Nhuận) và các thành viên (Ngô Luân, Ngô Hoàn, Nguyễn Sung Xác, Lưu Hùng Hiếu, Nguyễn Quang Bật, Nguyễn Đức Huân, Võ Địch, Ngô Thâm, Ngô Văn Cảnh, Phạm Trí Khiêm, Lưu Thứ Mậu, Nguyễn Nhân Bị, Nguyễn Tôn Miệt, Ngô Quyển, Nguyễn Bảo Khuê, Bùi Phổ, Dương Trục Nguyên, Chu Hoàn, Phạm Cần Trục, Nguyễn Ích Tôn, Đỗ Luận Thư, Phạm Như Huệ, Lưu Địch, Đàm Thận Huy, Phạm Dao Phú, Chu Huân) đều giữ các chức danh như Hàn lâm viện Thị độc, Hàn lâm viện Thị chế, Hàn lâm viện Hiệu lý, Hàn lâm viện Kiểm thảo.

Nhiều vị quan trong Hàn lâm viện còn tham gia những công việc khác như soạn thảo nhiều bia ký quan trọng như: Văn bia Tiến sĩ đặt tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám (trong đó có những người soạn nhiều văn bia như Thân Nhân Trung, Đỗ Nhuận, Lương Thế Vinh, Nguyễn Quý Đức...), bia Vĩnh Lăng ghi thân thế, sự nghiệp của vua Lê Thái Tổ (do Nguyễn Trãi soạn và Hàn lâm viện Đãi chế Vũ Văn Phi viết chữ), bia Hựu Lăng của vua Lê Thái Tông (do Hàn lâm viện Thị độc Học sĩ, kiêm Tri ngự tiền học sinh cục Cận thị chi hậu Nguyễn Thiên Tích soạn),... cùng rất nhiều bia ký ở các địa phương. Ngoài ra, họ còn được tham gia nhiều hoạt động khác như: Tham gia các phái đoàn đi tuế cống phương vật, cầu

phong, báo tang... với chính quốc (tức Trung Quốc); trông coi các khoa thi Hội, Đình (thường được bố trí vào các chức Giám thí, Độc quyền), đi kinh lý các địa phương (như hội khám, khám đặc đất đai, phát chẩn, khảo soát quan lại, khảo quan các kỳ thi Hương, xét án xử kiện)...

Đánh giá một cách tổng quát, tổ chức Hàn lâm viện nói chung, những cá nhân đã từng tham gia và làm việc tại Hàn lâm viện nói riêng, đã có những đóng góp to lớn trong nội trị và ngoại giao. Họ không chỉ là những vị quan được triều thần kính trọng (vì chức trách và phẩm chất), mà còn là những bậc đại khoa và có tri thức uyên thâm về văn học, lịch sử và bang giao.

2.4. Xét về nội hàm, tổ chức Hàn lâm viện trong lịch sử có sự khác biệt so với tổ chức Viện Hàn lâm ngày nay

Như đã trình bày ở trên, Hàn lâm viện có cơ cấu tổ chức đơn giản, nhân sự không ổn định (thay đổi nhiều, có những chức khi cần mới đặt) và hoạt động độc lập (ít có sự liên kết, đôi khi Hàn lâm viện kiêm công việc của Sử quán, hay kiêm công việc của Tú lâm cục, Chiêu văn quán). Thời Lê sơ, cụ thể là đời vua Lê Thánh Tông và thời Nguyễn, đời vua Minh Mệnh, xét về phương diện hệ thống chức quan, phẩm trật của tổ chức Hàn lâm viện đã được xếp đặt quy củ, đầy đủ hơn. Đặc biệt, thời nhà Nguyễn, dù có quy định cụ thể về Viện hàm trong Hàn lâm viện, nhưng đó chỉ là các chức danh làm việc trực tiếp tại Hàn lâm viện để phân biệt với những người làm tại Hàn lâm viện nhưng kiêm các chức danh ở bên ngoài.

Ở các nước phương Tây, tổ chức Viện Hàn lâm được thành lập từ rất sớm²³. Theo truyền ngôn của người Pháp, từ thời xưa,

phía Tây thành Athènes nước Hy Lạp có một khu rừng toàn những cây ô-liu và cây ngô đồng. Người sở hữu khu rừng này có tên là Akademos, nên gọi là rừng Akademos. Vì sân vận động trong khu rừng đã nhiều lần là nơi nhà hiền triết Platon (nghệ sư của nhà triết học Aristote) đến giảng thuyết nghĩa lý cho học trò. Từ đó về sau người ta gọi học phái Platon là Akademos (hay Akademos, Académie). Từ nghĩa ấy, về sau từ Académie dùng rộng nghĩa ra, chỉ bất cứ một đoàn thể văn sĩ, thi sĩ, học sĩ, nghệ sĩ nào có tổ chức. Trong số 5 Viện Hàn lâm gộp thành Quốc học viện của nước Pháp thì *Pháp quốc Hàn lâm viện* (Académie Française) - Viện Hàn lâm về văn học - được thành lập sớm hơn cả, vào năm 1634, tiếp đến là *Khảo cổ Hàn lâm viện* (Académie des Inscriptions et belles lettres) thành lập năm 1663, *Khoa học Hàn lâm viện* (Académie des Sciences) lập năm 1664, *Mỹ thuật Hàn lâm viện* (Académie des Beaux-Arts) thành lập năm 1795 và *Luân lý chính trị Hàn lâm viện* (Académie des Sciences morales et Politiques) lập năm 1795. Những Viện Hàn lâm của Pháp (như nêu trên) cùng với Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô trước đây (nay là Liên bang Nga), Viện Hàn lâm khoa học Hoàng gia Anh, Viện Hàn lâm khoa học Hoa Kỳ... đều là những Viện Hàn lâm nổi tiếng trên toàn thế giới.

Sách *Từ điển bách khoa Việt Nam* định nghĩa về Viện Hàn lâm khoa học như sau: “Đây là cơ quan khoa học cao nhất của một nước. Những nhiệm vụ cơ bản là phát triển các nghiên cứu cơ bản theo các hướng chủ đạo của khoa học tự nhiên và khoa học xã hội thông qua các nghiên cứu ứng dụng trực tiếp liên quan đến sản xuất trong

những lĩnh vực được ưu tiên; làm sáng tỏ các khuynh hướng mới về nguyên tắc đối với việc tăng trưởng tiến bộ khoa học kỹ thuật và chuẩn bị đưa các tiến bộ đó vào ứng dụng một cách có hiệu quả cao trong nền kinh tế quốc dân; nghiên cứu và khái quát hóa những thành tựu của khoa học thế giới và giúp đỡ để chúng được sử dụng triệt để nhất. Lãnh đạo hoạt động của nó trong giai đoạn giữa hai nhiệm kỳ họp toàn thể là Đoàn Chủ tịch, đứng đầu là Chủ tịch Đoàn Chủ tịch, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và Tổng Thư ký của Viện Hàn lâm khoa học do toàn thể Viện bầu ra. Trong thành phần của Viện Hàn lâm khoa học có nhiều viện, ban và tiểu ban, có nhiều tạp chí theo chuyên ngành khác nhau, có nhà xuất bản”²⁴. Căn cứ vào những tiêu chuẩn đó, ngày 26/12/2012, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng đã ký và ban hành Nghị định số 109/2012/NĐ-CP ***Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam*** (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22/02/2013)²⁵. Đây không chỉ là một sự kiện chính trị quan trọng, mà còn là niềm vinh dự, tự hào vô cùng to lớn đối với giới nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn của nước ta. Nghị định trên của Chính phủ càng có ý nghĩa thiết thực hơn khi năm 2013 là dịp kỷ niệm 60 năm thành lập Viện Khoa học xã hội Việt Nam, tiền thân là Ban Nghiên cứu Lịch sử - Địa lý - Văn học (được thành lập theo Quyết định số 34/NQ/TW ngày 02/12/1953 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam).

Chú thích

1. Phan Huy Chú, 2007. *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 1 (phần Quan chức chí), Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr.586.

2. Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, 1993. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.281. *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú ghi chép không thống nhất về sự kiện này, có đoạn chép vào năm 1086, có đoạn ghi vào năm 1087.
3. Đỗ Văn Ninh, 2002. *Từ điển chức quan Việt Nam*, Nxb. Thanh niên, tr.282-283.
4. *Lịch triều hiến chương loại chí, Sđd*, tập 1 (phần Quan chức chí), tr.556-557.
5. Có tài liệu chép là *Hàn lâm Học sĩ Thừa chỉ*. Thực ra, Thừa chỉ hay Phụng chỉ đều có mục đích là phụng mệnh vua soạn thảo chiếu chỉ về nội trị và ngoại giao.
6. *Đại Việt sử ký toàn thư, Sđd*, tập 2, tr.49.
7. Quốc sử quán triều Nguyễn, 1998. *Khâm định Việt sử thông giám Cương mục*, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr.513. Sách này có chua thêm rằng: *Hàn lâm Học sĩ Phụng chỉ* là chức quan đứng đầu Viện Hàn lâm, trông coi việc soạn thảo những chế, cáo, chiếu, chỉ của nhà vua.
8. Ngô Đức Thọ, Nguyễn Thúy Nga, Nguyễn Hữu Mùi, 2006. *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*. Nxb. Văn học, tr.41.
9. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Sđd*, tập 1, tr. 620 chua thêm: Hàn lâm viện Thị giảng là một chức quan làm việc trong Hàn lâm viện.
10. Có tài liệu chép là *Hàn lâm viện Hiệu khám*. Chắc hẳn là do kiêng tên chúa Trịnh Kiểm nên đổi thành Hiệu khám. Cả hai chức danh này có nhiệm vụ chung là kiểm tra, giám sát tư liệu trước khi soạn thảo sách vở, chiếu chỉ.
11. *Lịch triều hiến chương loại chí, Sđd*, tập 1 (phần Quan chức chí), tr.557.
12. Trong thời Lê Trung hưng, vì kiêng tên chúa Trịnh Kiểm nên Hàn lâm viện Kiểm thảo đổi thành Hàn lâm viện Hiệu thảo.
13. Có lẽ Lê Quý Đôn chép nhầm hoặc người dịch chưa chuẩn, vì tự dạng chữ Đãi và Thị giống nhau. Các tài liệu về quan chế không thấy chức danh Thị chế, chỉ có Đãi chế.
14. Lê Quý Đôn, 2006. *Kiến văn tiểu lục*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr.146-147.
15. Đó là quy định còn trong thực tế, các vị vua nhà Nguyễn đã đặt ra lệ Tứ bất, tức không lấy 4 danh vị là: Không đặt Hoàng hậu, không phong chức Tể tướng, không đặt Thái tử và không lấy đỗ Trạng nguyên.
16. Phan Đại Doãn, Nguyễn Minh Tường, Đỗ Bang, 1998. *Một số vấn đề về quan chế triều Nguyễn*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
17. Trần Thanh Tâm, 2000. *Quan chức nhà Nguyễn*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
18. Quốc sử quán triều Nguyễn, 2005. *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập VIII, quyển 234 (phần về Hàn lâm viện), Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr.154.
19. Lê Văn Hòe. *Hàn lâm viện*, Tủ sách Quốc học về Bách khoa Đại từ điển.
20. *Lịch triều hiến chương loại chí, Sđd*, tập 1 (Quan chức chí), tr.585, 586, 590.
21. Quốc sử quán triều Nguyễn, 2004. *Đại Nam thực lục*, tập 3, Nxb. Giáo dục, HN, tr.917.
22. Viện Ngôn ngữ, 2000. *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng và Trung tâm Từ điển học, tr.419.
23. Trong bài viết “Vua Lê Thánh Tông lập Hàn lâm viện đầu tiên ở nước ta”, tác giả Trần Trọng Trí có nhận xét: “So với các Viện Hàn lâm lớn trên thế giới như ở Italia, Pháp, Anh, Nga, Đức, Thụy Điển..., nước ta đã thiết lập Viện Hàn lâm tương đối sớm, chỉ sau Trung Quốc”.
24. Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam, 2005. *Từ điển bách khoa Việt Nam*, tập IV, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr.879.
25. Trước đó một ngày, ngày 25/12/2012, Chính phủ ban hành Nghị định 108/2012/NĐ-CP *Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam* (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19/02/2013).

